



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02271/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0604.NT2
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM)**

Ngày lấy mẫu : 13/03/2025

Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KCX**Loại mẫu : Nước thải
LINH TRUNG 1
Khu phố 4, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP.HCM

Vị trí lấy mẫu : Nước thải đầu ra của HTXL

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q \times K_f = 0,81$
				25.0604.NT2	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,34	6 - 9
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	30,2	40
3	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	8	50
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	29	60,75
5	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8	24,3
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	17	40,5
7	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2017	KPH (LOD=0,5)	4,05
8	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	15,9	16,2
9	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,62	3,24
10	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)	0,81
11	Tổng xianua ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017	KPH (LOD=0,002)	0,0567
12	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,0405
13	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,0002)	0,0405
14	Crom III (Cr ³⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (LOD=0,004)	0,162
15	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,0405
16	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,042	1,62
17	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,146	0,81
18	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,00405
19	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,062	0,405
20	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,02)	0,162





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q \times K_f = 0,81$
				25.0604.NT2	
21	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,081
22	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,056	2,43
23	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (LOD=0,04)	0,162
24	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017	82,3	405
25	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017	0,89	4,05
26	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)	0,081
27	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	4,05
28	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	110	3.000
29	Hóa chất BVTV Clo hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B	KPH (LOD=0,00001)	0,0405
30	Hóa chất BVTV Phospho hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8141B	KPH (LOD=0,00016)	0,243
31	Polyclobiphenyl (PCB) ^(b)	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,0002)	0,00243
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,01)	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(b)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,3)	1,0
34	Vibrio cholerae ^(b)	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	-
35	Salmonella ^(d)	CFU/ 100mL	SMEWW 9260B:2017	KPH (LOD=2)	-
36	Shigella ^(d)	CFU/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH (LOD=2)	-

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 35,36 do VIMCERTS 304 thực hiện;
3. QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. PCB bao gồm: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 118, PCB 138, PCB 153, PCB 180.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiển